

Số: 38/BC-TTĐTTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO PHẢN HỒI CỦA SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TRỰC TUYẾN HK1/ 2018-2019

1. Số lượng môn học triển khai

Trong học kì 1 năm học 2018 – 2019, Trung tâm Đào tạo trực tuyến đã triển khai 13 môn học của các Khoa: Ngôn ngữ Anh, Quản trị kinh doanh, Kế toán Kiểm toán, Tài chính Ngân hàng, Ngôn ngữ Anh.

STT	Môn học	Khoa phụ trách
1	Nghe nói 1	Ngoại ngữ
2	Ngữ pháp	
3	Luyện phát âm Anh – Mỹ	
4	Quản trị học	Quản trị kinh doanh
5	Marketing căn bản	
6	Giao tiếp trong kinh doanh	
7	Nguyên lý kế toán	Kế toán – Kiểm toán
8	Kế toán và doanh nghiệp	
9	Tiền tệ ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng
10	Thuế và hoạt động kinh doanh	
11	Luật hiến pháp	Luật
12	Lý luận Nhà nước và pháp luật	
13	Logic học	

2. Đối tượng và nội dung khảo sát

a. Đối tượng khảo sát

Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo của chương trình cử nhân trực tuyến được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ. Các sinh viên sẽ trả lời bảng khảo sát trên hệ thống quản lý học tập (LMS) của nhà trường.

Đây là hoạt động bắt buộc đối với sinh viên cần phải thực hiện trước khi đăng ký môn học cho học kỳ tới. Điều kiện này nhằm đảm bảo tỷ lệ phản hồi của sinh viên ở mức cao.

b. Nội dung bảng câu hỏi

Bảng khảo sát bao gồm 37 câu hỏi được chia thành 3 nhóm chính là:

- Đánh giá về giảng viên: 14 câu hỏi
- Đánh giá về nội dung môn học: 16 câu hỏi
- Đánh giá về tính tương tác trong học tập: 7 câu hỏi

Thang điểm đánh giá là từ 1 đến 5 với 1 tương ứng với kết quả “Hoàn toàn không đồng ý” và 5 tương ứng với kết quả “Hoàn toàn đồng ý”. Mỗi bảng khảo sát mà sinh viên thực hiện tương ứng với một môn học mà sinh viên đã tham gia trong học kỳ. Nội dung của bảng câu hỏi được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu của Lori Kupczynski và cộng sự (2010) và Ben Arbaugh cùng cộng sự (2013).

Nội dung chi tiết của bảng câu hỏi như sau:

	Thang điểm: 1 (Hoàn toàn không đồng ý) – 5 (Hoàn toàn đồng ý)
STT	A- ĐÁNH GIÁ GIẢNG VIÊN
	Cách khuyến khích sinh viên học tập của giảng viên
Q1	Giảng viên khích lệ tôi thể hiện ý kiến cá nhân
Q2	Giảng viên khuyến khích và thu hút được mọi người tham gia thảo luận nội dung môn học
Q3	Giảng viên khuyến khích và hỗ trợ tôi tìm hiểu các kiến thức khác trong môn học
	Thái độ của giảng viên
Q4	Giảng viên tích cực trao đổi và giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong công việc liên quan đến môn học
Q5	Giảng viên luôn thể hiện thái độ tích cực, nhiệt tình hỗ trợ tôi khi tôi gặp khó khăn trong hoạt động học tập
Q6	Giảng viên tôn trọng ý kiến của anh/chị
	Cách hướng dẫn/phản hồi của giảng viên

Q7	Giảng viên truyền đạt rõ ràng những nội dung quan trọng của môn học
Q8	Giảng viên giúp tôi xác định những kiến thức bổ ích và mang tính ứng dụng trong thực tiễn
Q9	Những nhiệm vụ hay yêu cầu giảng viên đưa ra giúp cho tôi học hỏi thêm các kiến thức bổ ích trong môn học
Q10	Những hoạt động/yêu cầu của giảng viên giúp tôi phát triển ý thức làm việc nhóm, trách nhiệm trong công việc của bản thân tôi
Q11	Những chủ đề thảo luận giảng viên đưa ra giúp tôi đào sâu hơn kiến thức đã học
Q12	Giảng viên đã cung cấp thông tin phản hồi giúp tôi hiểu được điểm mạnh và điểm yếu của mình
Q13	Giảng viên đánh giá quá trình học tập của tôi khách quan, công bằng
Q14	Thời gian giảng viên phản hồi tôi không quá 48 tiếng
	B- ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG MÔN HỌC
	Tài liệu học tập
Q15	Đề cương môn học thể hiện đầy đủ thông tin giúp tôi khái quát được thông tin ban đầu về môn học
Q16	Môn học được triển khai đúng theo đề cương đã cung cấp cho tôi
Q17	Học liệu chính (slide, script, video) thể hiện đầy đủ và chính xác nội dung
Q18	Các bài tập và bài kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu học tập
Q19	Video môn học được thiết kế, trình bày nội dung hấp dẫn, thu hút
Q20	Gói Scorm (Ngành ngôn ngữ Anh) được thiết kế thú vị, thu hút
	Hoạt động học tập
Q21	Các hoạt động học tập (thảo luận, video conference, bài tập, trò chơi) được thiết kế đáp ứng với mục tiêu của môn học
Q22	Video Conference giúp tôi tương tác hiệu quả với giảng viên và các bạn học cùng lớp
Q23	Video Conference (Ngành ngôn ngữ Anh) giúp tôi đạt hiệu quả trong việc thực hành các kỹ năng (VD: nghe/nói/đọc/viết...)
Q24	Video Conference giúp tôi giải đáp thắc mắc trong quá trình học
	Kiến thức từ môn học
Q25	Tôi đã học được nhiều kiến thức bổ ích từ môn học
Q26	Tôi được cung cấp những hướng dẫn và nguồn thông tin cần thiết để giải quyết các vấn đề trong môn học
Q27	Môn học giúp tôi nâng cao khả năng giải thích/đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề trong thực tế
Q28	Sau khi học xong, tôi có thể mô tả được các kiến thức cốt lõi của môn học

Q29	Tôi có thể áp dụng kiến thức đã học vào trong công việc của mình hoặc trong các hoạt động khác.
Q30	Tôi dễ dàng xem và theo dõi các mốc thời gian quan trọng của hoạt động học tập
	ĐÁNH GIÁ TÍNH TƯƠNG TÁC XÃ HỘI
	Tương tác với các sinh viên khác
Q31	Việc làm quen và kết nối được với những sinh viên khác làm tôi có cảm giác gắn bó với nhà Trường
Q32	Tôi có ấn tượng và có thể phân biệt những thành viên trong lớp khi gặp mặt
Q33	Tôi cảm thấy thoải mái khi tương tác với những bạn học khác trên hệ thống LMS
Q34	Khi thảo luận, tôi cảm thấy thoải mái khi góp ý thẳng thắn với bạn học về kiến thức trong môn học
	Tính tương tác thông qua các hoạt động học tập
Q35	Tôi thường xuyên sử dụng chức năng liên lạc (tin nhắn, diễn đàn thảo luận chung - forum, ...) của hệ thống LMS để liên lạc với các bạn cùng lớp
Q36	Hoạt động thảo luận trên diễn đàn giúp tôi củng cố kiến thức đã học
Q37	Hoạt động thảo luận giúp tôi thấy được tầm quan trọng của việc tiếp nhận những quan điểm khác nhau về một vấn đề

3. Kết quả khảo sát theo Khoa phụ trách giảng dạy

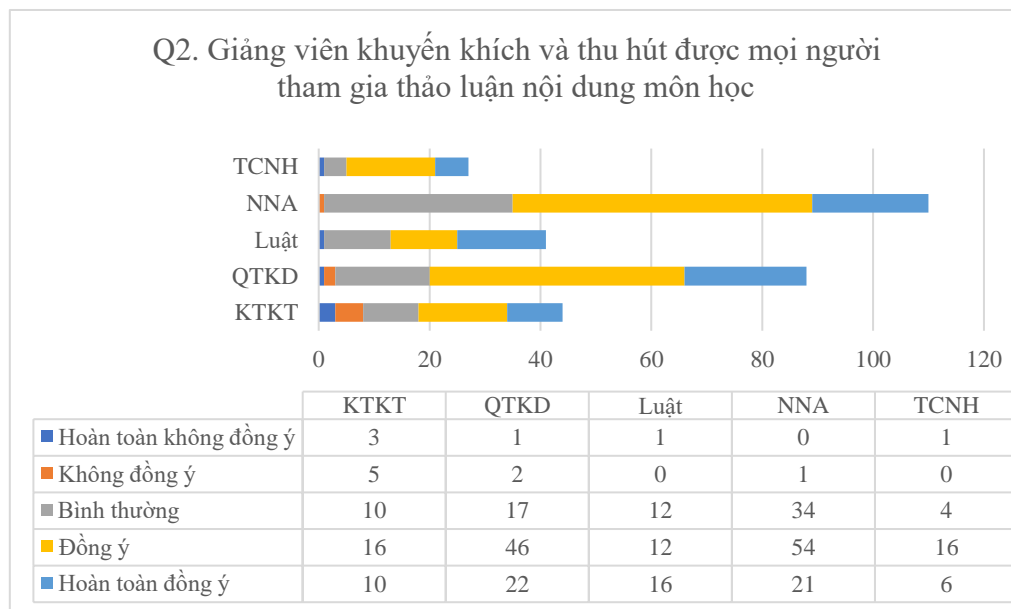
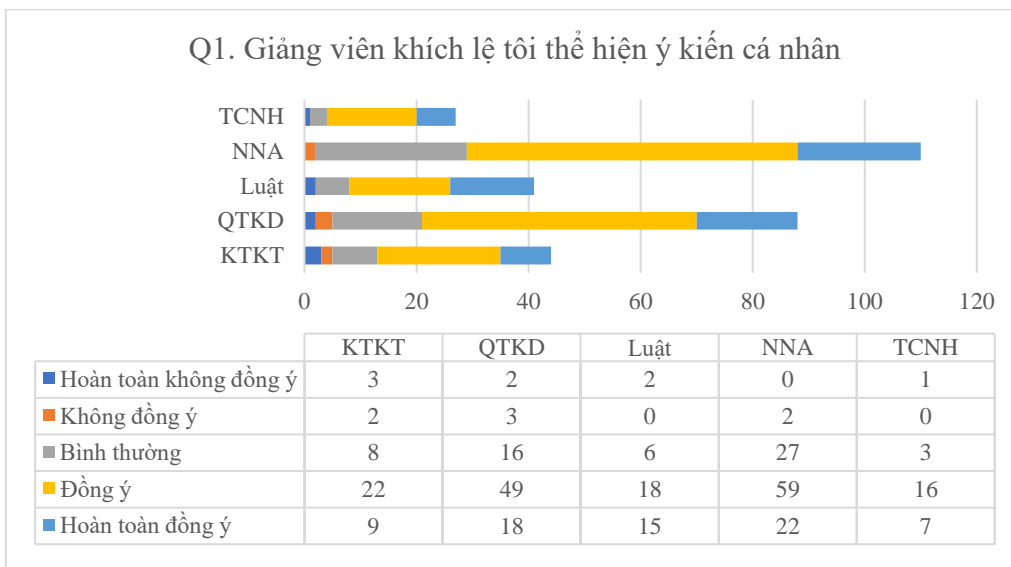
Sinh viên đều trả lời đầy đủ 37 câu hỏi trong bảng khảo sát nên không có bảng câu hỏi nào bị loại bỏ. Kết quả khảo sát được tổng hợp theo môn học của từng Khoa và sử dụng biểu đồ cột để thể hiện tần số lựa chọn các kết quả trong thang đo 1 (Hoàn toàn không đồng ý) - 5 (Hoàn toàn đồng ý).

Nội dung phân tích, đánh giá sẽ tập trung vào 3 vấn đề chính là giảng viên, nội dung môn học và tính tương tác ở từng Khoa chuyên môn. Trong đó, việc đánh giá giảng viên sẽ xem xét qua ba khía cạnh là “Cách thức giảng viên khuyến khích sinh viên học tập”, “Thái độ của giảng viên”, “Cách thức hướng dẫn/phản hồi của giảng viên”. Đánh giá nội dung môn học cũng sẽ được nhìn nhận ở 3 khía cạnh là “Tài liệu học tập”, “Hoạt động học tập” và “kiến thức từ môn học”. Cuối cùng việc đánh giá tính tương tác sẽ tập trung vào hai mặt là “Tương tác với sinh viên khác” và “Tương tác thông qua hoạt động học tập”. Dữ liệu được phân tích theo hướng mô tả tần số lựa chọn kết quả thang đo của sinh viên đối với từng khía cạnh của vấn đề.

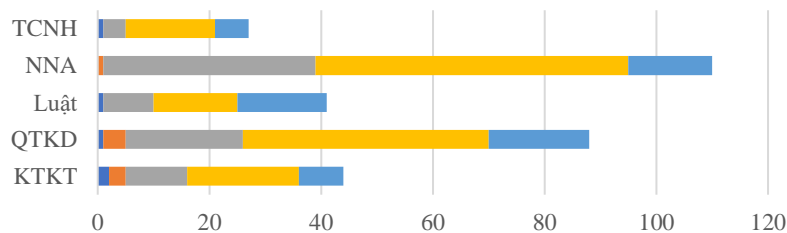
a. Đánh giá giảng viên

Cách thức giảng viên khuyến khích sinh viên học tập

Dữ liệu được đo lường thông qua 3 câu hỏi (từ Q1 đến Q3) của bảng hỏi, kết quả cho thấy sinh viên ở các Khoa đều có mức đánh giá tốt đối với việc khuyến khích sinh viên học tập của giảng viên. Đa số các kết quả đều được chọn ở “Đồng ý” hoặc “Hoàn toàn đồng ý” (trên 70% tổng số lựa chọn) đối với các nội dung “khuyến khích sinh viên thể hiện ý kiến cá nhân”, “tham gia thảo luận” và “tìm hiểu thêm kiến thức”. Như vậy cách thức giảng viên khuyến khích sinh viên học tập đang được đánh giá cao.



Q3. Giảng viên khuyến khích và hỗ trợ tôi tìm hiểu các kiến thức khác trong môn học

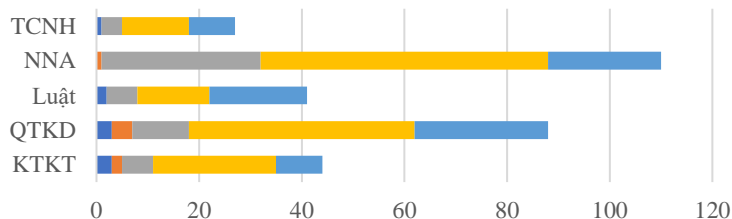


	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	2	1	1	0	1
Không đồng ý	3	4	0	1	0
Bình thường	11	21	9	38	4
Đồng ý	20	44	15	56	16
Hoàn toàn đồng ý	8	18	16	15	6

Thái độ của giảng viên

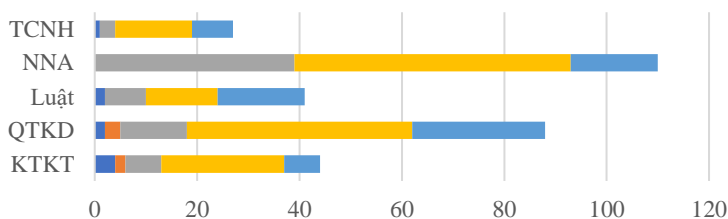
Thái độ của giảng viên trong quá trình giảng dạy cũng được sinh viên đánh giá cao. Trên 70% sinh viên các Khoa tham gia khảo sát lựa chọn câu trả lời “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đối với các nội dung liên quan đến sự tích cực của giảng viên trong quá trình hỗ trợ sinh viên học tập, cũng như sự tôn trọng ý kiến cá nhân của người học khi thảo luận.

Q4. Giảng viên tích cực trao đổi và giải đáp những thắc mắc của sinh viên trong công việc liên quan đến môn học



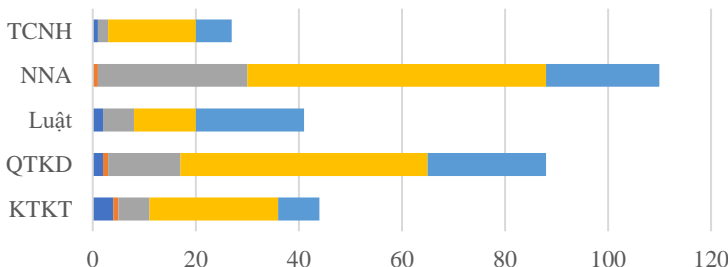
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	3	3	2	0	1
Không đồng ý	2	4	0	1	0
Bình thường	6	11	6	31	4
Đồng ý	24	44	14	56	13
Hoàn toàn đồng ý	9	26	19	22	9

Q5. Giảng viên luôn thể hiện thái độ tích cực, nhiệt tình hỗ trợ tôi khi tôi gặp khó khăn trong hoạt động học tập



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	4	2	2	0	1
Không đồng ý	2	3	0	0	0
Bình thường	7	13	8	39	3
Đồng ý	24	44	14	54	15
Hoàn toàn đồng ý	7	26	17	17	8

Q6. Giảng viên tôn trọng ý kiến của tôi

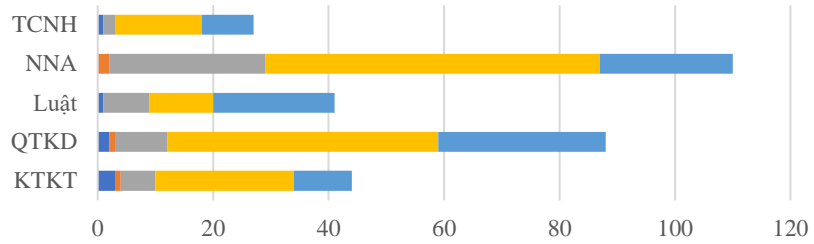


	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	4	2	2	0	1
Không đồng ý	1	1	0	1	0
Bình thường	6	14	6	29	2
Đồng ý	25	48	12	58	17
Hoàn toàn đồng ý	8	23	21	22	7

Cách thức hướng dẫn/phản hồi của giảng viên

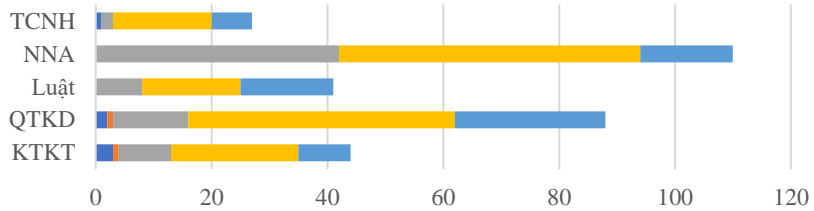
Cách thức giảng viên truyền đạt nội dung quan trọng của môn học và phản hồi cho sinh viên trong quá trình học tập được đánh giá thông qua câu hỏi Q7 đến Q14. Đa số sinh viên các Khoa đều hài lòng với cách thức mà giảng viên hiện đang áp dụng. Riêng sinh viên Khoa Ngoại ngữ thì có tỷ lệ “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” thấp hơn do có tỷ lệ khoảng 25% sinh viên lựa chọn mức “Bình thường” khi đánh giá về cách thức truyền đạt/ phản hồi của giảng viên. Đặc biệt ở hai câu Q10, Q12 và Q14, tỷ lệ sinh viên Khoa Ngoại ngữ lựa chọn cảm nhận “Bình thường” cao hơn sinh viên các Khoa khác. Nội dung 3 câu hỏi này đề cập đến việc tổ chức hoạt động nhóm, nhận xét giúp sinh viên tự đánh giá năng lực của bản thân và mức độ tuân thủ thời gian phản hồi cho sinh viên theo quy định.

Q7. Giảng viên truyền đạt rõ ràng những nội dung quan trọng của môn học



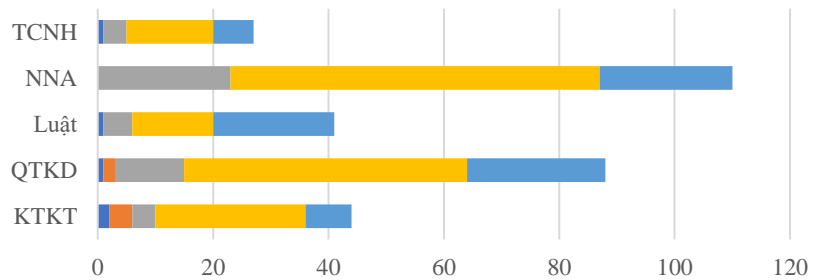
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	3	2	1	0	1
■ Không đồng ý	1	1	0	2	0
■ Bình thường	6	9	8	27	2
■ Đồng ý	24	47	11	58	15
■ Hoàn toàn đồng ý	10	29	21	23	9

Q8. Giảng viên giúp tôi xác định những kiến thức bổ ích và mang tính ứng dụng trong thực tiễn



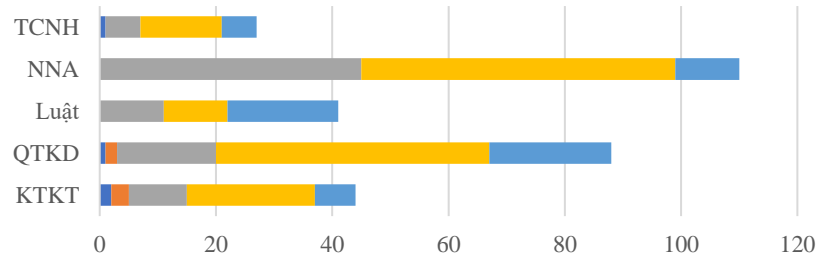
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	3	2	0	0	1
■ Không đồng ý	1	1	0	0	0
■ Bình thường	9	13	8	42	2
■ Đồng ý	22	46	17	52	17
■ Hoàn toàn đồng ý	9	26	16	16	7

Q9. Những nhiệm vụ hay yêu cầu giảng viên đưa ra giúp cho tôi học hỏi thêm các kiến thức bổ ích trong môn học



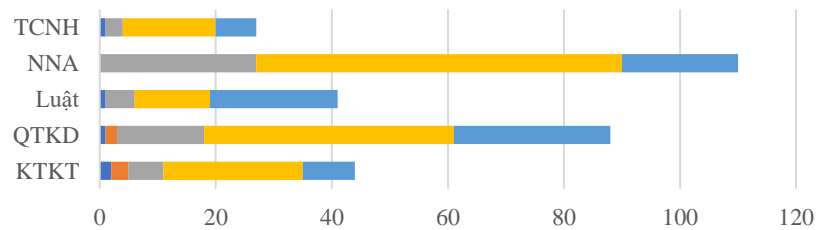
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	2	1	1	0	1
■ Không đồng ý	4	2	0	0	0
■ Bình thường	4	12	5	23	4
■ Đồng ý	26	49	14	64	15
■ Hoàn toàn đồng ý	8	24	21	23	7

Q10. Những hoạt động/yêu cầu của giảng viên giúp tôi phát triển ý thức làm việc nhóm, trách nhiệm trong công việc của bản thân tôi



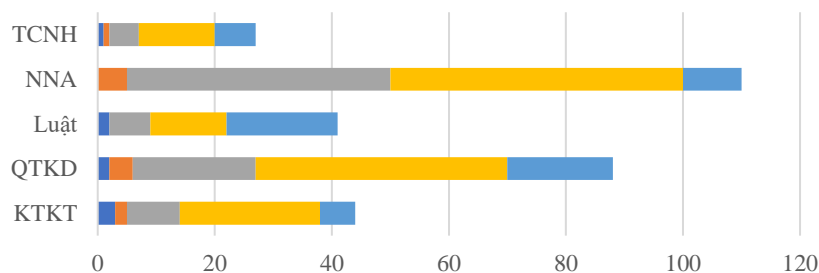
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	2	1	0	0	1
■ Không đồng ý	3	2	0	0	0
■ Bình thường	10	17	11	45	6
■ Đồng ý	22	47	11	54	14
■ Hoàn toàn đồng ý	7	21	19	11	6

Q11. Những chủ đề thảo luận giảng viên đưa ra giúp tôi đào sâu hơn kiến thức đã học



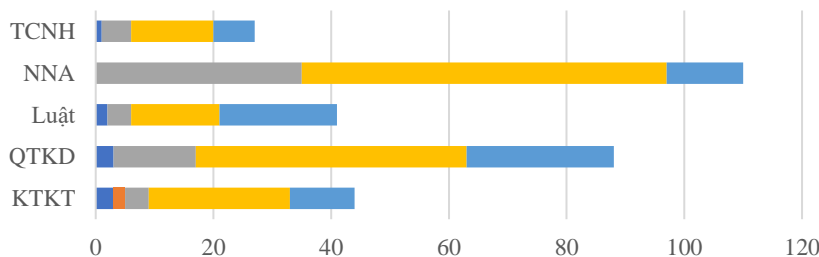
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	2	1	1	0	1
■ Không đồng ý	3	2	0	0	0
■ Bình thường	6	15	5	27	3
■ Đồng ý	24	43	13	63	16
■ Hoàn toàn đồng ý	9	27	22	20	7

Q12. Giảng viên đã cung cấp thông tin phản hồi giúp tôi hiểu được điểm mạnh và điểm yếu của mình



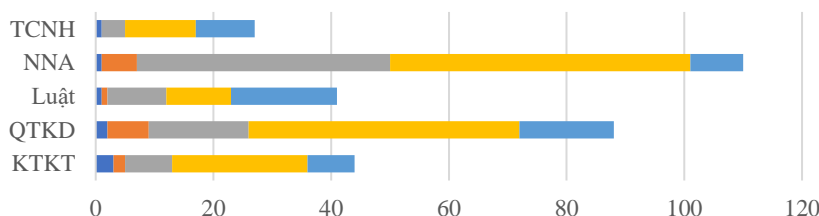
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	3	2	2	0	1
Không đồng ý	2	4	0	5	1
Bình thường	9	21	7	45	5
Đồng ý	24	43	13	50	13
Hoàn toàn đồng ý	6	18	19	10	7

Q13. Giảng viên đánh giá quá trình học tập của tôi khách quan, công bằng



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	3	3	2	0	1
Không đồng ý	2	0	0	0	0
Bình thường	4	14	4	35	5
Đồng ý	24	46	15	62	14
Hoàn toàn đồng ý	11	25	20	13	7

Q14. Thời gian giảng viên phản hồi tôi không quá 48h

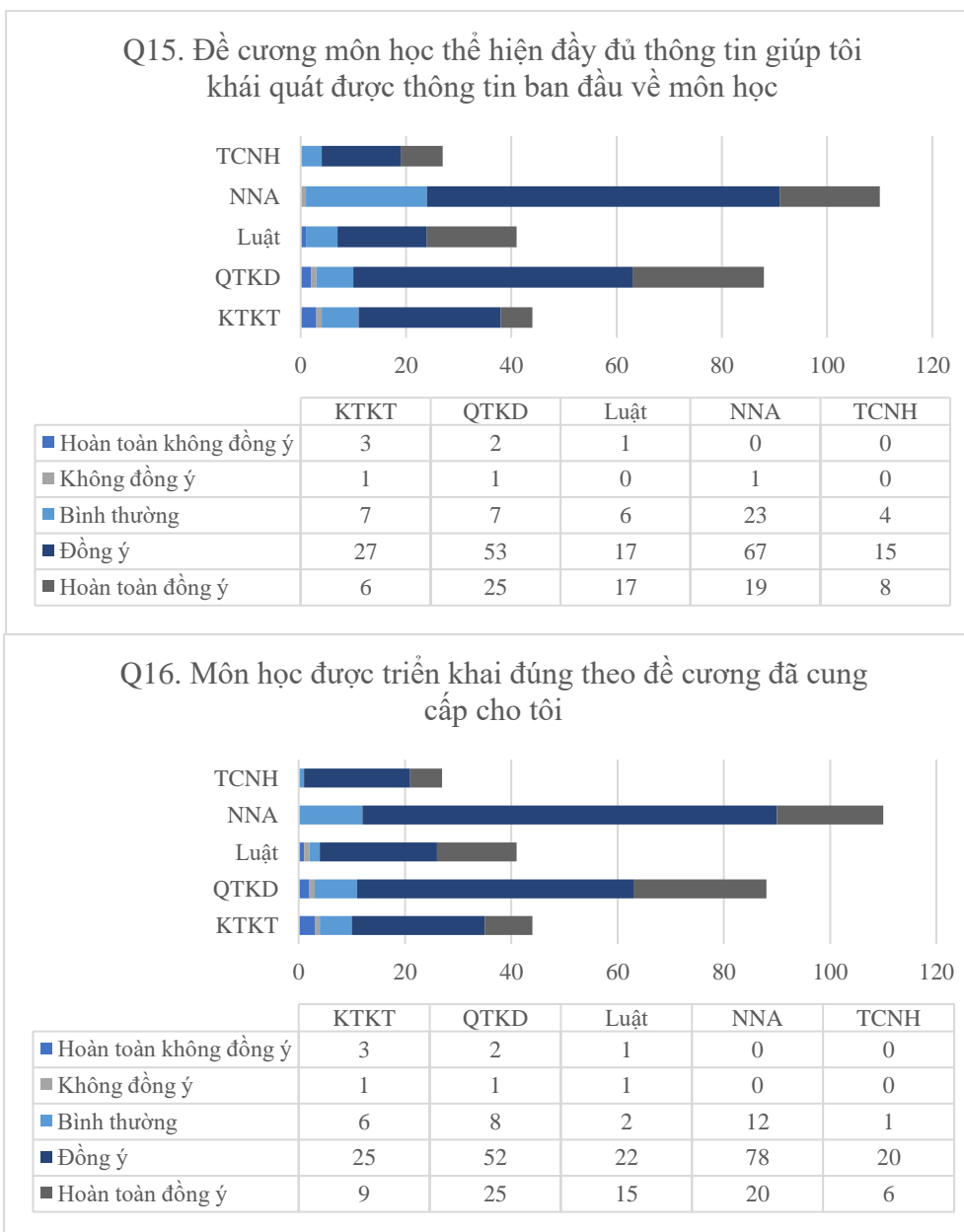


	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
Hoàn toàn không đồng ý	3	2	1	1	1
Không đồng ý	2	7	1	6	0
Bình thường	8	17	10	43	4
Đồng ý	23	46	11	51	12
Hoàn toàn đồng ý	8	16	18	9	10

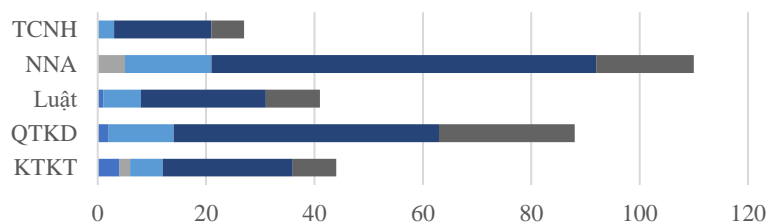
b. Đánh giá nội dung môn học

Tài liệu học tập

Liên quan đến nội dung và hình thức của tài liệu học tập, sinh viên các Khoa đều có đánh giá tốt. Đa số đều lựa chọn câu trả lời “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đối với các câu hỏi liên quan đến chất lượng của tài liệu học tập. Riêng Khoa Ngoại ngữ thì tỷ lệ sinh viên hài lòng về chất lượng video và hình thức trình bày môn học thấp hơn các Khoa khác.

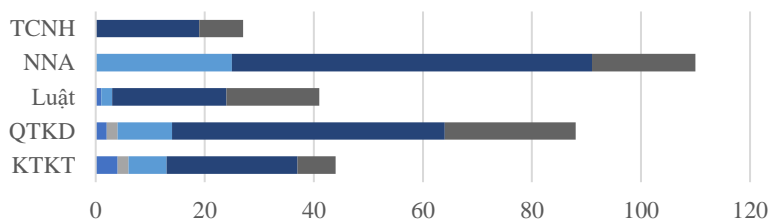


Q17. Học liệu chính (slide, script, video) thể hiện đầy đủ và chính xác nội dung



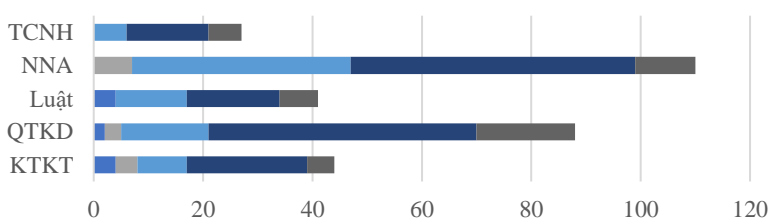
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	2	1	0	0
■ Không đồng ý	2	0	0	5	0
■ Bình thường	6	12	7	16	3
■ Đồng ý	24	49	23	71	18
■ Hoàn toàn đồng ý	8	25	10	18	6

Q18. Các bài tập và bài kiểm tra đánh giá đúng những mục tiêu học tập

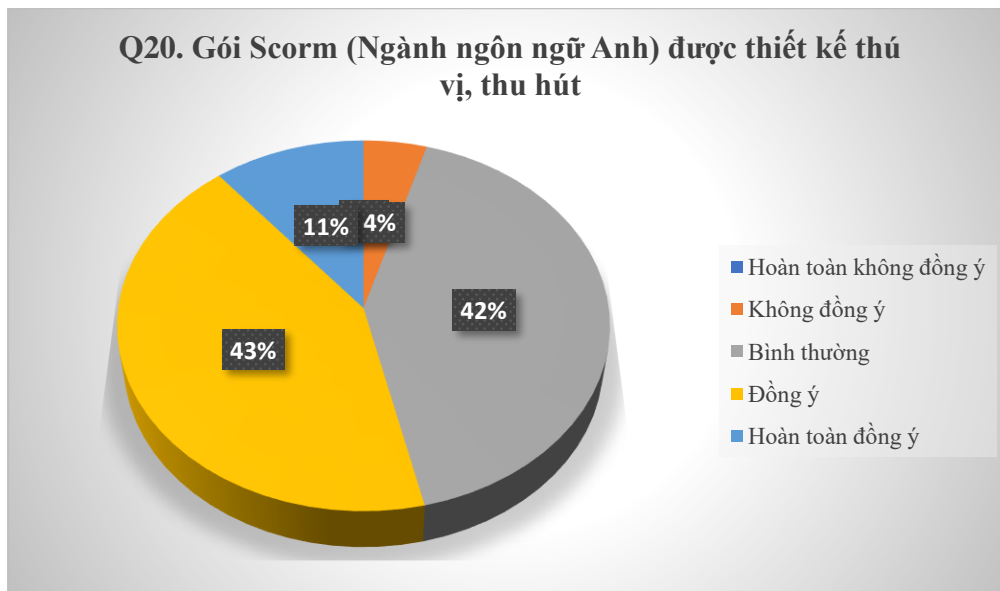


	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	2	1	0	0
■ Không đồng ý	2	2	0	0	0
■ Bình thường	7	10	2	25	0
■ Đồng ý	24	50	21	66	19
■ Hoàn toàn đồng ý	7	24	17	19	8

Q19. Video môn học được thiết kế, trình bày nội dung hấp dẫn, thu hút



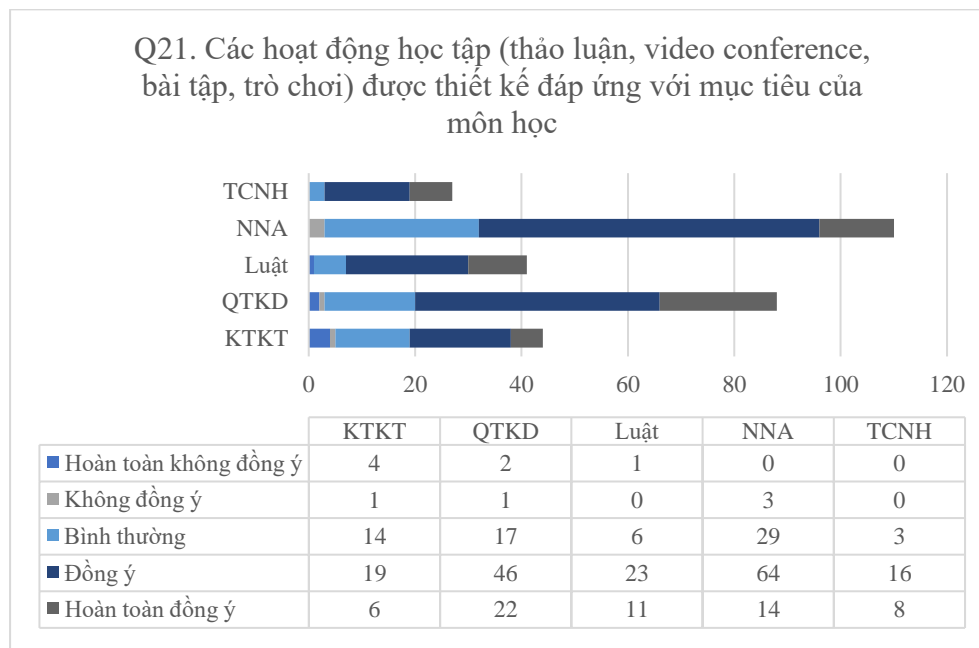
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	2	4	0	0
■ Không đồng ý	4	3	0	7	0
■ Bình thường	9	16	13	40	6
■ Đồng ý	22	49	17	52	15
■ Hoàn toàn đồng ý	5	18	7	11	6



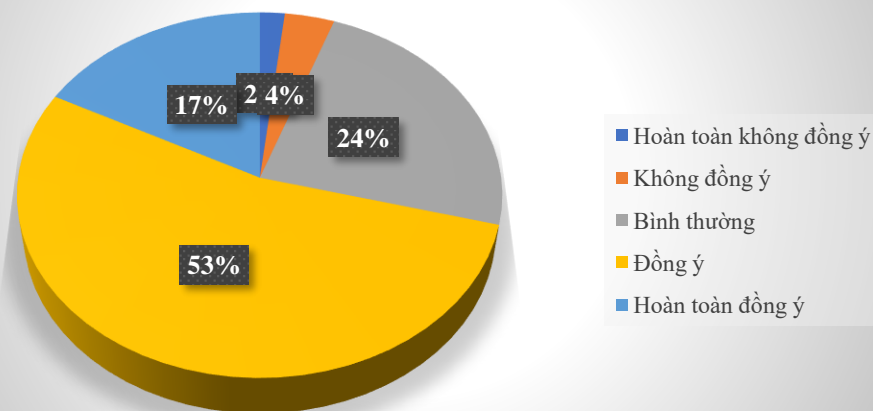
Hoạt động học tập:

Nhìn chung, sinh viên các Khoa đều có tỷ lệ hài lòng cao đối với sự phù hợp của hoạt động học tập đối với mục tiêu từng môn học. Riêng ngành Ngôn ngữ Anh của Khoa Ngoại ngữ hiện nay là ngành áp dụng thường xuyên hoạt động Video Conference.

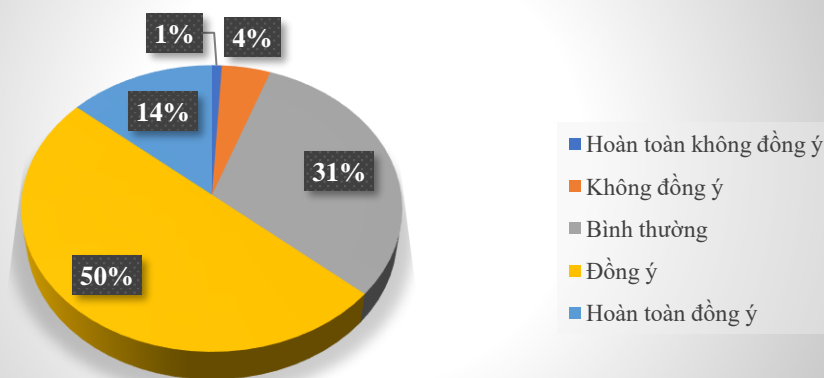
Khảo sát riêng sinh viên ngành ngôn ngữ Anh về hoạt động video conference cho thấy tỷ lệ sinh viên lựa chọn “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” đối với các nội dung liên quan đến cảm nhận chất lượng của hoạt động này là trên 60%. Như vậy hiện tại, đa số sinh viên đều hài lòng về các hoạt động học tập đang được triển khai trong chương trình đào tạo.



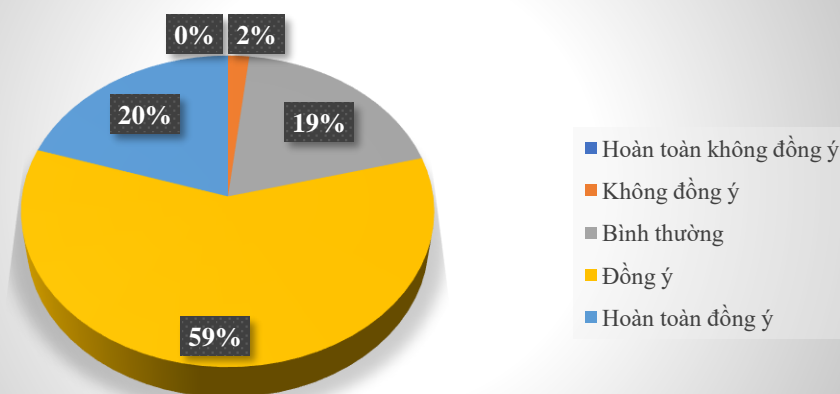
Q22. Video Conference giúp tôi tương tác hiệu quả với giảng viên và các bạn học cùng lớp



Q23. Video Conference (Ngành ngôn ngữ Anh) giúp tôi đạt hiệu quả trong việc thực hành các kỹ năng (VD: nghe/nói/đọc/viết...)

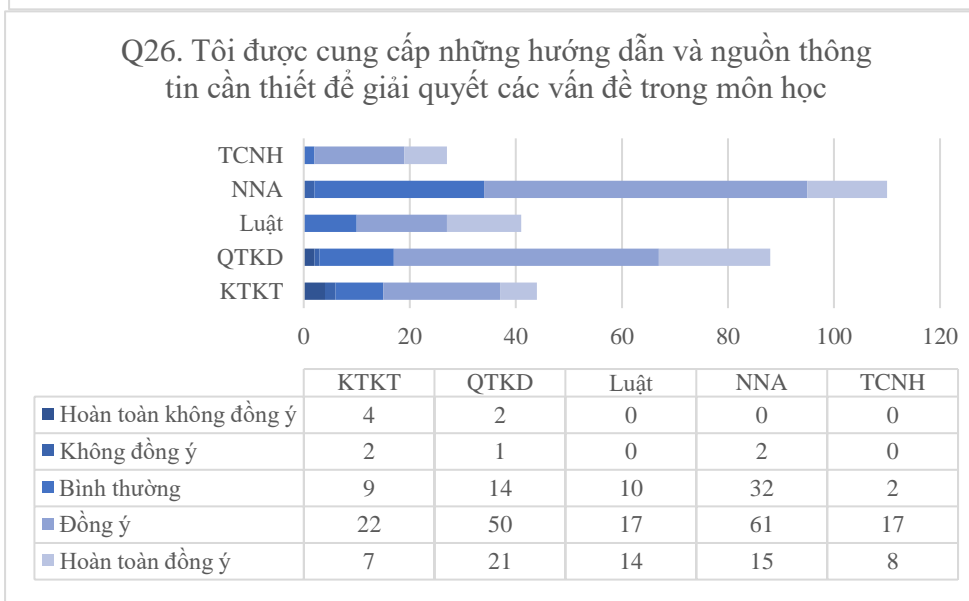
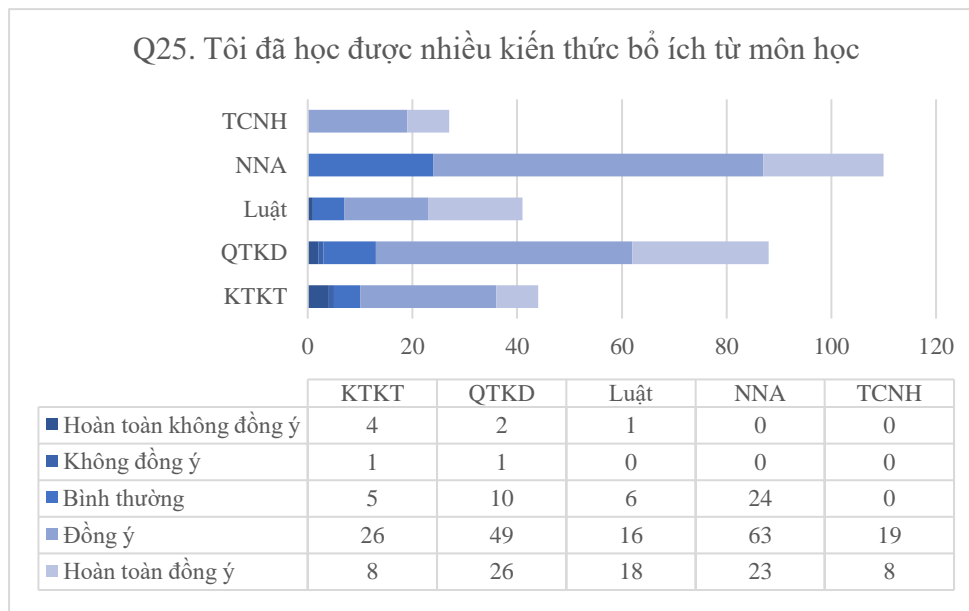


Q24. Video Conference giúp tôi giải đáp thắc mắc trong quá trình học

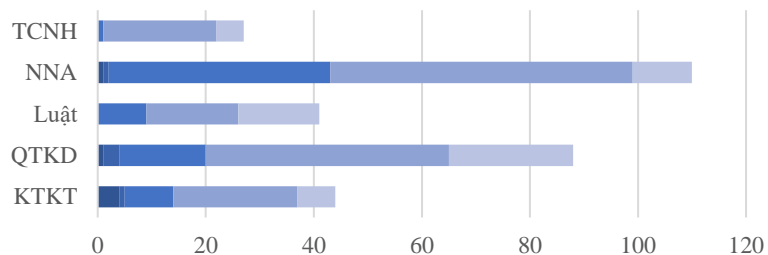


Kiến thức từ môn học

Cảm nhận của sinh viên về hiệu quả tiếp thu kiến thức sau khóa học được khảo sát qua nội dung câu hỏi Q25 đến Q30. Kết quả cho thấy, sinh viên có mức độ hài lòng cao đối với chất lượng kiến thức từ môn học, với hơn 70% sinh viên lựa chọn đáp án “Đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý”.

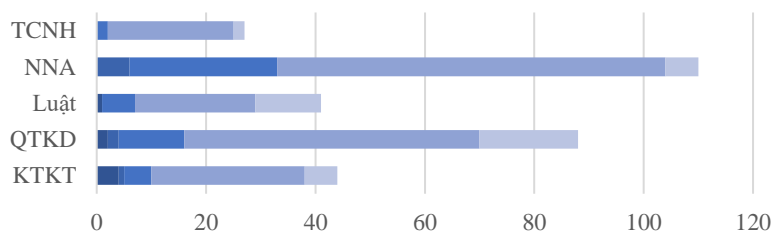


Q27. Môn học giúp tôi nâng cao khả năng giải thích/đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề trong thực tế



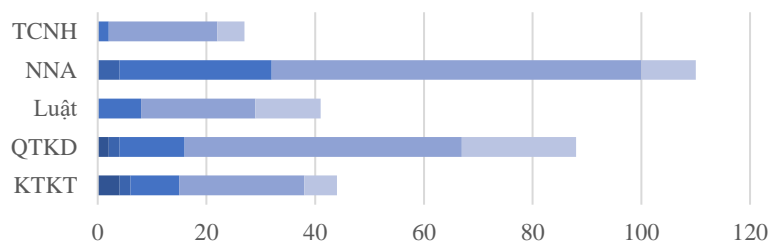
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	1	0	1	0
■ Không đồng ý	1	3	0	1	0
■ Bình thường	9	16	9	41	1
■ Đồng ý	23	45	17	56	21
■ Hoàn toàn đồng ý	7	23	15	11	5

Q28. Sau khi học xong, tôi có thể mô tả được các kiến thức cốt lõi của môn học



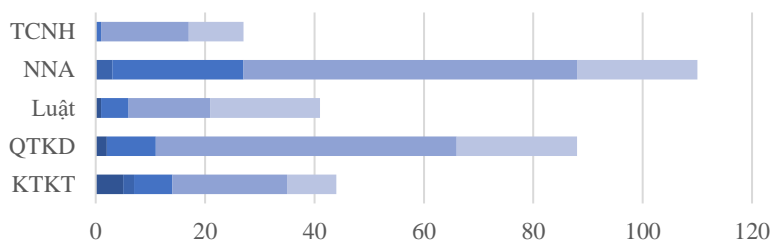
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	2	1	0	0
■ Không đồng ý	1	2	0	6	0
■ Bình thường	5	12	6	27	2
■ Đồng ý	28	54	22	71	23
■ Hoàn toàn đồng ý	6	18	12	6	2

Q29. Tôi có thể áp dụng kiến thức đã học vào trong công việc của mình hoặc trong các hoạt động khác.



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	2	0	0	0
■ Không đồng ý	2	2	0	4	0
■ Bình thường	9	12	8	28	2
■ Đồng ý	23	51	21	68	20
■ Hoàn toàn đồng ý	6	21	12	10	5

Q30. Tôi dễ dàng xem và theo dõi các mốc thời gian quan trọng của hoạt động học tập



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	5	2	1	0	0
■ Không đồng ý	2	0	0	3	0
■ Bình thường	7	9	5	24	1
■ Đồng ý	21	55	15	61	16
■ Hoàn toàn đồng ý	9	22	20	22	10

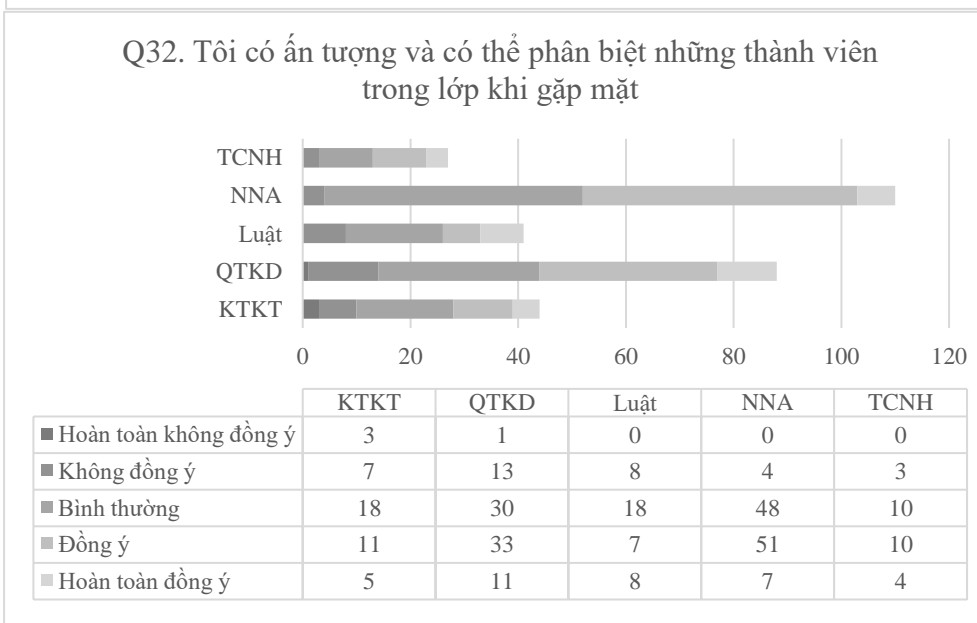
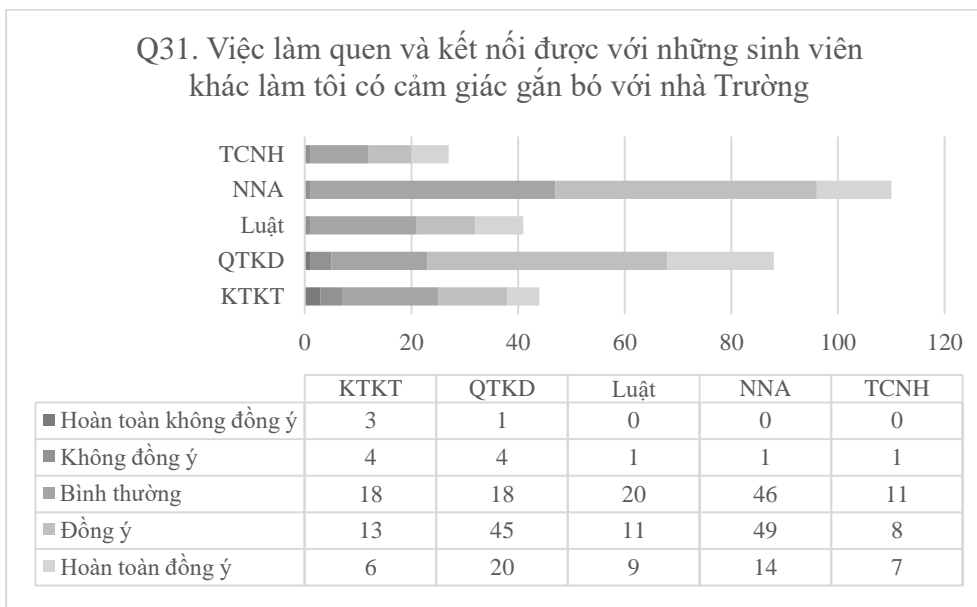
c. Đánh giá tính tương tác trong học tập

Tăng cường hiệu quả hoạt động tương tác khi học tập là một trong những khía cạnh đánh giá chất lượng đào tạo trực tuyến. Nhằm đánh giá hiệu quả của hoạt động tương tác giữa người tham gia trong môi trường học tập trực tuyến, các câu hỏi từ Q31 đến Q37 được đưa vào bảng câu hỏi nhằm giúp xác định cảm nhận của sinh viên khi tham gia học tập. Tính tương tác được xem xét ở hai góc độ là “Tương tác với các sinh viên khác” trong quá trình học và “Tương tác thông qua hoạt động học tập”

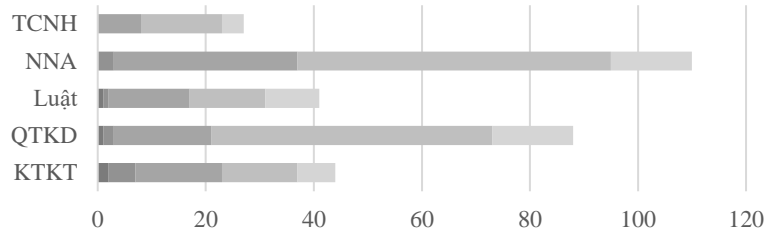
Tương tác với các sinh viên khác

Kết quả thu thập được từ các câu hỏi Q31 đến Q34 nhằm đánh giá mức độ thân thiện của môi trường học tập trực tuyến của Trung tâm. Mức độ thân thiện thể hiện qua việc: sinh viên có cảm thấy thoải mái khi học trong môi trường trực tuyến hay không, họ có dễ dàng giao tiếp và kết nối với

các thành viên khác hay không. Đặc biệt là khi giao tiếp với các bạn cùng lớp. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ lựa chọn kết quả “Bình thường” và “Đồng ý” chiếm tỷ lệ cao nhất trong các kết quả. Trong đó, tỷ lệ lựa chọn kết quả “Bình thường” cao hơn kết quả “Đồng ý”. Như vậy, so với hai các yếu tố thuộc nhóm “Giảng viên” và “Nội dung môn học”, yếu tố tương tác giữa người học với nhau vẫn chưa được đánh giá cao. Sinh viên vẫn chưa quen trao đổi, thảo luận trên môi trường học tập trực tuyến.

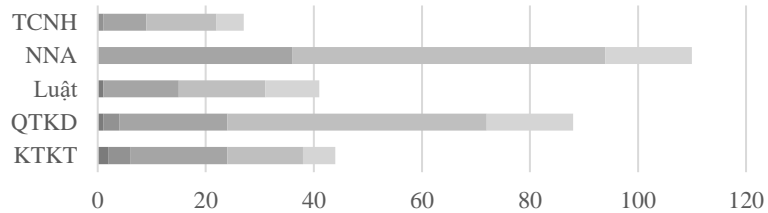


Q33. Tôi cảm thấy thoải mái khi tương tác với những bạn học khác trên hệ thống LMS



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	2	1	1	0	0
■ Không đồng ý	5	2	1	3	0
■ Bình thường	16	18	15	34	8
■ Đồng ý	14	52	14	58	15
■ Hoàn toàn đồng ý	7	15	10	15	4

Q34. Khi thảo luận, tôi cảm thấy thoải mái khi góp ý thẳng thắn với bạn học về kiến thức trong môn học



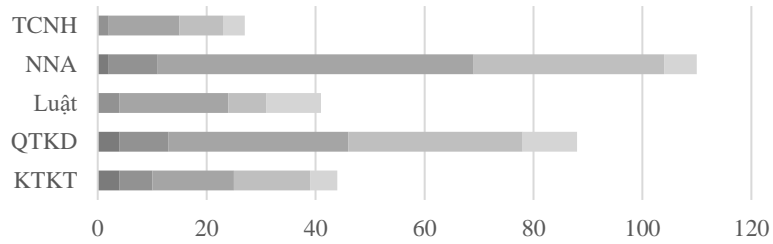
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	2	1	1	0	0
■ Không đồng ý	4	3	0	0	1
■ Bình thường	18	20	14	36	8
■ Đồng ý	14	48	16	58	13
■ Hoàn toàn đồng ý	6	16	10	16	5

Tương tác thông qua hoạt động học tập

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên sử dụng các chức năng liên lạc như tin nhắn, diễn đàn thảo luận chung ở mức độ trung bình. Kết quả này là tất yếu khi sinh viên có nhiều phương thức liên lạc thay thế thuận tiện hơn như mạng xã hội, email v.v...

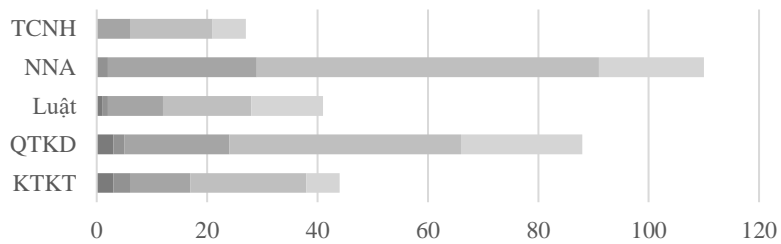
Tuy nhiên, hầu hết sinh viên ở các Khoa đều đánh giá cao hiệu quả mang lại của Diễn đàn thảo luận nội dung môn học.

Q35. Tôi thường xuyên sử dụng chức năng liên lạc (tin nhắn, diễn đàn thảo luận chung - forum,...) của hệ thống LMS để liên lạc với các bạn cùng lớp



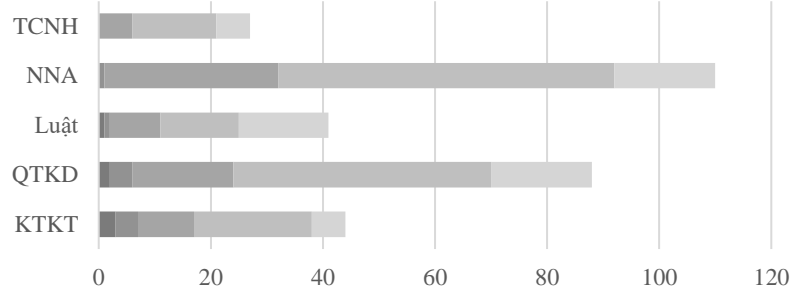
	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	4	4	0	2	0
■ Không đồng ý	6	9	4	9	2
■ Bình thường	15	33	20	58	13
■ Đồng ý	14	32	7	35	8
■ Hoàn toàn đồng ý	5	10	10	6	4

Q36. Hoạt động thảo luận trên diễn đàn giúp tôi củng cố kiến thức đã học



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	3	3	1	0	0
■ Không đồng ý	3	2	1	2	0
■ Bình thường	11	19	10	27	6
■ Đồng ý	21	42	16	62	15
■ Hoàn toàn đồng ý	6	22	13	19	6

Q37. Hoạt động thảo luận giúp tôi thấy được tầm quan trọng của việc tiếp nhận những quan điểm khác nhau về một vấn đề



	KTKT	QTKD	Luật	NNA	TCNH
■ Hoàn toàn không đồng ý	3	2	1	0	0
■ Không đồng ý	4	4	1	1	0
■ Bình thường	10	18	9	31	6
■ Đồng ý	21	46	14	60	15
■ Hoàn toàn đồng ý	6	18	16	18	6

Ngoài ra, kết quả khảo sát chi tiết cho từng môn học (tham khảo Phụ lục) cũng cho thấy các môn học như Quản trị học, Giao tiếp trong kinh doanh, Luật hiến pháp, Lý luận nhà nước và pháp luật, Tiền tệ ngân hàng, Thuế và hoạt động kinh doanh được sinh viên đánh giá tốt hơn các môn học khác. Kết quả này thể hiện qua giá trị điểm trung bình từ 4 trở lên đối với từng kết quả thang đo.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Phan Thị Ngọc Thanh